

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM 2025
(Sự nghiệp Kiến thiết thị chính; Sự nghiệp kinh tế khác)

(Kèm theo Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 22/4/2025 của UBND huyện Văn Quan)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	TMBT hoặc QT	Khối lượng hoàn thành/QT	Lũy kế vốn giao đến 31/12/2024	Kế hoạch vốn giao năm 2025	Điều chỉnh Tăng (+)	Điều chỉnh Giảm (-)	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	Chủ đầu tư (đơn vị thực hiện)	Ghi chú
1	2	2	3	3	4	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG		24.349,494	20.105,472	12.461,952	8.247,000	1.198,076	(1.198,076)	8.247,000		
A	Sự nghiệp Kiến thiết thị chính		4.237,459	3.724,225	1.700,000	2.100,000	224,574	(224,574)	2.100,000		
I	Thanh toán khối lượng										
-	Sửa chữa công trào, đèn, hoa, biển trang trí đường phố thị trấn Văn Quan	QĐ số 5222/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Văn Quan	679,115	646,533	400,000	200,000	46,533		246,533	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
-	Sửa chữa hệ thống thoát nước đường nội thị, thị trấn Văn Quan, Huyện Văn Quan	QĐ số 2310/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND huyện	630,974	553,467	500,000	100,000		(46,533)	53,467	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
-	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè đường nội thị, thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan	QĐ số 1335/QĐ-UBND ngày 27/4/2024; ĐC QĐ 3003/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	2.627,370	2.524,225	800,000	1.500,000	178,041		1.678,041	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
II	Thực hiện 2025										
-	Trồng, quản lý chăm sóc cây xanh đô thị, cắt tỉa cây trên các tuyến đường nội thị		300,000			300,000		(178,041)	121,959	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
B	Sự nghiệp kinh tế khác		20.112,035	16.381,247	10.761,952	6.147,000	973,502	(973,502)	6.147,000		
I	Thanh toán khối lượng										
-	Quy hoạch chi tiết thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan	QĐ số 4831/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện Văn Quan	3.254,454	2.798,615	1.232,100	1.600,000		(35,000)	1.565,000	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
-	Xây dựng nhà kho lưu trữ và sửa chữa cải tạo trụ sở phòng Kinh tế và Hạ tầng	QĐ số 2321/QĐ-UBND ngày 19/8/2024 của UBND huyện Văn Quan	971,829	932,212	300,000	650,000		(20,000)	630,000	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
-	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống thoát nước ĐH.58 (đường Ba Xã - Chợ Bãi), huyện Văn Quan. Đoạn Km0-Km1+100	QĐ số 1737/QĐ-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn	2.200,000	2.072,836	2.060,304	66,000		(55,000)	11,000	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
-	Hỗ trợ xi măng đường giao thông nông thôn năm 2024 huyện Văn Quan.	QĐ số 4749/QĐ-UBND ngày 08/12/2024 của UBND huyện Văn Quan	5.681,510	4.439,554	3.838,836	581,000	19,718		600,718	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
II	Thực hiện năm 2025										
-	Hỗ trợ ống cống tròn các loại		150,000	-		150,000		(150,000)	-	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
-	Hỗ trợ sắt thép làm cầu, cống bán trên đường GTNT		200,000			200,000		(82,571)	117,429	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
-	Hỗ trợ xi măng đường giao thông nông thôn năm 2025 huyện Văn Quan.		1.000,000			1.000,000		(630,931)	369,069	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
III	Bổ sung danh mục thực hiện										
I	Thanh toán khối lượng										
-	Cải tạo, sửa chữa vỉa hè đoạn từ đầu cầu Đức Hình đến phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	QĐ 4112, ngày 25/10/2023; ĐC 2418, ngày 29/8/2024	2.603,932	2.517,000	2.030,712	400,000	85,000		485,000	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
-	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè đường nội thị, thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan	QĐ số 1335/QĐ-UBND ngày 27/4/2024; ĐC QĐ 3003/QĐ-UBND ngày 25/10/2024	2.627,370	2.539,791	800,000	1.500,000	68,784		1.568,784	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
-	Lập chương trình phát triển đô thị thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035	2570/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	632,171	591,239	200,000	-	350,000		350,000	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
-	Lập quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Văn Quan, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn	2571/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	490,769	490,000	300,000	-	150,000		150,000	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
2	Danh mục mới thực hiện 2025					-					
-	Sửa chữa, chỉnh trang sơn vạch kẻ đường các tuyến đường nội thị thị trấn Văn Quan.		300,000			-	300,000		300,000	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	Bổ sung danh mục thực hiện 2025 để đạt chuẩn NVTT